

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định từ 140 giường lên 280 giường bệnh tại xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xác định quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định từ 140 giường lên 280 giường bệnh tại xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 19/04/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 68/CT-TV ngày 21/5/2021 của Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 457/Tr-STNMT ngày 14/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định từ 140 giường lên 280 giường

bệnh tại xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định từ 140 giường bệnh lên 280 giường bệnh tại xã Định Long, huyện Yên Định.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án

Dự án đầu tư Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định từ 140 giường bệnh lên 280 giường bệnh tại xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định
- Đại diện chủ dự án: Ông Hà Minh Tuấn
- Chức vụ: Giám đốc
- Phương tiện liên lạc: 0982843164
- Địa chỉ trụ sở: xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
- + Quy mô: 280 giường bệnh.

+ Các hạng mục công trình chính gồm: Khoa khám bệnh đa khoa - Quản lý hành chính; nhà khoa ngoại - khoa sản; Khối nhà hồi sức cấp cứu, Khoa Đông Y, Khoa Nhi, Khoa Nội; Khoa các bệnh nhiệt đới (khoa Lây); Khoa Liên chuyên khoa; Khối nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa dược; Khoa dinh dưỡng và các công trình phụ trợ khác.

2. Các tác động môi trường chính khi bệnh viện đi vào hoạt động ổn định

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- *Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế*: Phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh cá nhân, từ hoạt động ăn uống và hoạt động khám chữa bệnh của các khoa phòng có lưu lượng là 82,5m³/ngày.đêm (trong đó, nước thải từ nhà vệ sinh: 17,5m³/ngày.đêm; nước tắm rửa, giặt giũ: 40,25m³/ngày.đêm; nước thải y tế: 24,75m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, amoni, Coliform,...

- *Nước thải nhà ăn*: phát sinh từ khâu chế biến thức ăn, rửa dụng cụ nấu ăn, vệ sinh nhà bếp 1,8 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt (dầu mỡ thực vật, động vật).

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện ra vào bệnh viện; hoạt động của bệnh viện; hoạt động của máy phát điện dự phòng, từ quá trình khám chữa bệnh và tẩy trùng. Thành phần khí thải chủ yếu: Bụi, NO₂; SO₂; CO₂, H₂S; ...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: 235kg/ngày.đêm. Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của bệnh nhân, vệ sinh buồng bệnh và khoa dinh dưỡng (bao gồm thức ăn thừa, vỏ rau quả, túi nilon,...); phòng hành chính (bao gồm giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng catton, túi đựng phim,...).

- Chất thải y tế thông thường: 6kg/ngày.đêm, bao gồm: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa...

- Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thu gom, xử lý nước thải: 92,3m³/năm; bao gồm: bùn bê tự hoại, hồ ga, hệ thống xử lý nước thải tập trung...

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

Tổng khối lượng chất thải nguy hại khoảng 44,5kg/ngày đêm. Trong đó:

- *Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm*: Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn có khối lượng 40kg/ngày.đêm; bao gồm: bông thấm máu, dịch sinh học, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm,... Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: 1,8 kg/ngày.đêm; bao gồm vật sắc nhọn, chất thải chứa chất lây nhiễm, chứa các vật phẩm y tế mang các vi khuẩn, vi trùng gây bệnh.

- *Chất thải giải phẫu*: 1,5kg/ngày đêm, gồm các mô, cơ quan, nhau thai...

- *Chất thải nguy hại khác*: 1,2kg/ngày đêm gồm: Bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy, lọ đựng hóa chất gây độc tế bào, các lọ hóa chất nguy hại hết hạn....

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khi bệnh viện đi vào hoạt động ổn định

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

* *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn trên mái và trong khuôn viên bệnh viện được thu gom bằng hệ thống cống bê tông mương rãnh thoát nước mưa B300 và B400 có tổng chiều dài 1.000m. Trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí 83 hồ ga lắng cặn (kích thước: 0,7mx0,7mx1,0m). Sau đó thoát ra hệ thống mương tiêu thoát nước chung của khu vực về phía Đông Nam bệnh viện.

* *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải bệnh viện*:

- *Nước thải phát sinh do quá trình rửa chân tay*: thu gom qua song chắn rác về 31 hồ ga để lắng cặn (kích thước: 1,0mx 1,0m x 1,5m), sau đó theo đường ống nhựa PVC D160, D200 có chiều dài 329m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, sau đó qua hồ sinh học (thể tích 1.797m³) để lắng trước khi thải ra hệ thống mương thoát nước thải chung của khu vực.

- *Nước thải từ nhà vệ sinh*: thu gom về 18 bể tự hoại có tổng thể tích 305m³, sau đó theo hệ thống đường ống nhựa PVC D200 có chiều dài 602m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, sau đó qua hồ sinh học (thể tích 1.797m³) để lắng trước khi thải ra hệ thống mương thoát nước thải chung của khu vực.

- *Nước thải từ nhà ăn*: thu gom qua song chắn rác về hồ ga có thể tích 0,5m³ để tách dầu mỡ; sau đó tiếp tục được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập

trung để xử lý và qua hồ sinh học (*thể tích 1.797m³*) để lắng trước khi thải ra hệ thống mương thoát nước thải chung của khu vực.

- *Nước thải y tế*: được thu gom riêng bằng đường ống nhựa PVC D200 có chiều dài 427m; sau đó tiếp tục được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý và qua hồ sinh học (*thể tích 1.797m³*) để lắng trước khi thải ra hệ thống mương thoát nước thải chung của khu vực.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải → Bể điều hoà → Bể keo tụ → Bể lắng I → Bể hiếu khí → Bể lắng II → Bể khử trùng → Hồ sinh học → Hệ thống thoát nước thải chung của khu vực (*mương tiêu phía Đông Nam bệnh viện*) → Sông Cầu Chày.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra mương tiêu thoát phía Đông Nam bệnh viện và cuối cùng thoát ra sông Cầu Chày (cách bệnh viện 1000m về phía Tây Nam bệnh viện).

3.2. Về bụi, khí thải

- Thường xuyên làm vệ sinh sạch sẽ, quét dọn sạch sẽ khu vực bệnh viện. Riêng khu vực nhà ăn, nhà khám chữa bệnh, hội trường được lau bằng nước khử trùng để đảm bảo môi trường khám chữa bệnh.

- Lắp đặt hệ thống quạt và điều hòa tại các khoa phòng, đồng thời sử dụng biện pháp thông thoáng tự nhiên.

- Chăm sóc, tu bổ thường xuyên diện tích cây xanh trong khu vực bệnh viện.

- Đối với khu vực nhà bếp được ngăn cách với khu vực nhà ăn, phòng ăn; thu gom thức ăn dư thừa, dọn vệ sinh, lau chùi sàn nhà ăn sau khi sử dụng bằng nước rửa có mùi hương. Khu vực nhà bếp được hút khí thải bằng hệ thống chụp hút qua các hệ thống đường ống dẫn khí sau đó được thải ra ngoài. Sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, điện để đun nấu.

- Lập kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực để hạn chế mùi phát sinh do nước tù đọng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

* *Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải rắn thông thường*:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào 70 thùng đựng rác loại 60 lít/thùng và thùng 80 lít/thùng dọc theo hành lang từng tầng của các khu nhà; 15 xe thùng loại 120 lít/thùng; sau đó đưa về khu nhà tập kết rác thải sinh hoạt phía Tây bệnh viện có diện tích 60m². Hợp đồng với HTX dịch vụ môi trường Quán Lào thu gom, xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

- Chất thải rắn y tế thông thường: thu gom vào 10 cái 10 lít/thùng và 15 cái 20 lít/thùng; sau đó đưa về khu nhà tập kết rác thải sinh hoạt phía Tây bệnh viện có diện tích 60m². Hợp đồng với Công ty TNHH Xuân Lâm thu gom, xử lý.

- Nhà tập kết rác thải sinh hoạt: Công trình có diện tích 60m² được sử dụng để tập kết rác thải sinh hoạt chờ đưa đi xử lý.

** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:*

- Chất thải y tế lây nhiễm:

+ Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: được thu gom vào 35 thùng 20lít/thùng, 20 thùng 60 lít/thùng, tập trung vào các thùng 240 lít (10 thùng) đặt tại khu nhà lưu giữ chất thải có diện tích 35m²; xử lý sơ bộ bằng hóa chất diệt khuẩn vận chuyển riêng đến nhà chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: được thu gom riêng vào các thùng đựng 15 thùng loại 10 lít/thùng; xử lý sơ bộ bằng hóa chất diệt khuẩn và được lưu chứa tại 02 bể bê tông có thể tích 2,54m³/bể. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

+ Chất thải giải phẫu: được thu gom riêng và vận chuyển đi chôn lấp tại nghĩa trang huyện Yên Định.

- Chất thải nguy hại khác, như: pin, ác quy, bóng đèn neon hỏng... được lưu trữ trong 02 thùng chứa có dung tích 240 lít/thùng và lưu trữ tại Nhà chứa chất thải nguy hại.

- Nhà chứa chất thải nguy hại: có diện tích 35m²; chia làm 02 khu: 01 khu chứa chất thải nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn; 01 khu chứa chất thải tái chế.

** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bùn cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường:* Đối với bùn cặn phát sinh từ công trình xử lý môi trường như bể tự hoại, hồ gas,... Thuê Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa vận chuyển xử lý định kỳ nạo hút vận chuyển xử lý.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát môi trường không khí

+ Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, tiếng ồn, Bụi, SO₂, CO, NO₂, NH₃, H₂S.

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực xử lý nước thải tập trung.

- *Quy chuẩn so sánh:*

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực đặc biệt yên tĩnh.

b. Giám sát môi trường nước

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, *Salmonella*, *Shigella*, *Vibrio cholera*, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại nước thải bệnh viện sau hệ thống xử lý.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

c. Giám sát tổng lượng thải:

- *Các vấn đề cần giám sát:*

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ rác thải sinh hoạt;

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải nguy hại;

+ Lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng từng loại chất thải nguy hại;

+ Lấy mẫu phân tích chất ô nhiễm trong bùn thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- *Vị trí giám sát:*

+ Tại khu vực lưu trữ rác tạm thời của bệnh viện.

+ Tại các khoa, phòng của bệnh viện.

+ Tại khu vực bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án./.